

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08 /2014/QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 10 tháng 02 năm 2014

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Số:.....
Ngày: 13/2/2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng
cảng cá tại các cảng, bến cá do Ban Quản lý Cảng cá Phan Thiết quản lý**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 60/2007/NQ-HĐND ngày 17/7/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận về danh mục và mức tối đa các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Thuận;

Căn cứ Nghị quyết số 53/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến các tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Liên Sở Tài chính - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng cảng cá tại các cảng, bến cá do Ban Quản lý Cảng cá Phan Thiết quản lý.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 32/2009/QĐ-UBND ngày 10/6/2009, Quyết định số 19/2010/QĐ-UBND ngày 14/5/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Ban Quản lý Cảng cá Phan Thiết, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận: /

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT và Ủy viên UBND tỉnh;
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND thành phố Phan Thiết;
- Như điều 3;
- Đài PTTH; Báo Bình Thuận;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NCPC, KTN, TH Hùng



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

[Signature]
Lê Tiến Phương

QUY ĐỊNH

Về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng cảng cá tại các cảng, bến cá do Ban Quản lý Cảng cá Phan Thiết quản lý
(Ban hành theo Quyết định số 08 /2014/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích thu phí và phạm vi điều chỉnh

Phí sử dụng cảng cá là khoản thu nhằm bù đắp một phần chi phí đầu tư, quản lý phục vụ các tổ chức, cá nhân hoạt động tại cảng.

Phí sử dụng cảng cá tại Quy định này áp dụng cho các cảng, bến cá do Ban Quản lý Cảng cá Phan Thiết quản lý. Ngoài phí sử dụng cảng cá thực hiện theo Quy định này, các đối tượng chịu phí theo quy định tại Điều 2 Quy định này không phải chịu phí sử dụng lề đường, bến bãi, mặt đất, mặt nước khác theo quy định hiện hành.

Điều 2. Đối tượng chịu phí, tổ chức thu phí

1. Đối tượng chịu phí là các loại tàu thuyền đánh bắt thủy, hải sản; tàu thuyền vận tải hàng hóa, hành khách; phương tiện, hàng hóa qua cảng, lưu bãi; mặt bằng, bến bãi cho thuê để sản xuất kinh doanh trong phạm vi diện tích mặt đất, mặt nước giao cho Ban Quản lý Cảng cá Phan Thiết quản lý.

2. Tổ chức thu phí là Ban Quản lý Cảng cá Phan Thiết.

Điều 3. Chế độ miễn, giảm

1. Các trường hợp miễn thu:

- Tàu thuyền của các đơn vị Biên phòng, Quân đội, Kiểm ngư, Công an, Thanh tra chuyên ngành thủy sản cập cảng, bến cá khi đang làm nhiệm vụ.
- Tàu thuyền cập cảng, bến cá để tránh thiên tai.
- Tàu thuyền trong thời gian neo đậu tại cảng, bến cá theo lệnh cấm xuất bến của cơ quan có thẩm quyền.

- Tàu thuyền, phương tiện vận tải đường bộ vào cảng, bến cá làm công tác từ thiện (cứu hộ, cứu nạn, cấp cứu người bệnh, tai nạn,...).

- Tàu thuyền, phương tiện giao thông đường bộ không thuộc phương tiện vận tải hàng hóa, hành khách, vào cảng, bến cá để tham quan, giao dịch với tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh trong cảng, bến cá.

- Xe ô tô từ 4 đến 16 chỗ ngồi không làm dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách thuộc sở hữu (theo giấy phép đăng ký xe) của tổ chức, cá nhân sử dụng mặt bằng, bến bãi hoạt động sản xuất kinh doanh trong cảng, bến cá.

- Vật liệu, máy móc, trang thiết bị và phương tiện chuyên chở dùng để xây dựng mới, nâng cấp cơ sở sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thuê đất dài hạn hoạt động trong cảng, bến cá.

- Hàng hóa là nguyên liệu đầu vào phục vụ chế biến hàng hải sản của các doanh nghiệp thuê đất trong cảng, bến cá.

2. Chế độ khuyến khích thu, nộp:

- Chủ tàu thuyền, phương tiện vận tải đường bộ thường xuyên ra vào, neo đậu, lưu bãi tại cảng, bến cá có nhu cầu nộp phí 01 lần cho cả năm, thì được thỏa thuận và ký hợp đồng nộp phí hàng năm với Ban Quản lý Cảng cá Phan Thiết. Nếu ký kết hợp đồng và thực hiện nộp phí 01 lần cho cả năm trong tháng đầu tiên, kể từ ngày ký kết hợp đồng, thì được giảm 10% trên tổng số tiền phải nộp cả năm.

Trên cơ sở kết quả hành trình (cấp – xuất cảng, bến; ra – vào cảng, bến) của 02 năm liền kề gần nhất, dự kiến hành trình năm thực hiện nộp phí và mức thu phí theo Quy định này, Chủ tàu thuyền, phương tiện vận tải thống nhất với Ban Quản lý Cảng cá Phan Thiết số tiền hợp đồng nộp phí cả năm để thực hiện. Thời gian thực hiện hợp đồng (một hoặc nhiều năm) do hai bên thống nhất lựa chọn.

- Đối với phương tiện vận tải đường bộ thường xuyên ra vào, lưu bãi tại cảng, bến cá nếu chủ phương tiện không lựa chọn hình thức nộp phí hàng năm, mà có nhu cầu nộp phí theo mức khoán hàng tháng, thì được thỏa thuận và ký hợp đồng nộp phí khoán hàng tháng với Ban Quản lý Cảng cá Phan Thiết.

Mức khoán nộp hàng tháng do hai bên thỏa thuận và thống nhất, nhưng không thấp hơn số tiền phí phải nộp cho 15 lượt vào cảng, bến tính

theo mức thu phí tại Quy định này. Thời gian thực hiện hợp đồng (một hoặc nhiều tháng, quý, năm) do hai bên thống nhất lựa chọn.

- Doanh nghiệp thuê đất chế biến hàng hải sản nếu có nhu cầu nộp phí hàng hóa qua cảng, bến cá theo năm thì thỏa thuận và ký hợp đồng nộp phí với Ban Quản lý Cảng cá Phan Thiết. Căn cứ xác định lượng hàng hóa qua cảng, bến cá làm cơ sở tính số tiền phí phải nộp cả năm trong hợp đồng là sản lượng hàng hóa theo báo cáo quyết toán thuế 02 năm liền kề của doanh nghiệp (trường hợp năm liền kề chưa có quyết toán thì căn cứ vào báo cáo quyết toán của các năm trước đó).

Chương II

MỨC THU, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TIỀN PHÍ

Điều 4. Mức thu phí

1. Mức thu theo biểu thu đính kèm.

2. Thời hạn tối đa tính cho một lần vào, ra cảng, bến cá áp dụng thu phí vào cảng, bến cá và phí lưu bãi nếu quá thời hạn chưa rời khỏi cảng, bến cá:

- Đối với tàu thuyền, phương tiện vận tải đường bộ qua cảng, bến cá thời gian tối đa tính cho một lần vào, ra là 01 ngày đêm, kể từ thời điểm vào cảng, bến cá cho đến 0 giờ. Trong khoảng thời gian trên nếu có thêm một lần ra, vào cảng, bến cá thì phải nộp phí cho lần đó.

Quá thời hạn 01 ngày đêm kể từ khi vào cảng, bến cá đến 0 giờ, tàu thuyền, phương tiện vận tải đường bộ vẫn còn trong khu vực cảng, bến cá thì phải chịu phí lưu bãi theo Quy định này.

- Hàng hóa bốc dỡ khỏi tàu thuyền, phương tiện vận tải, đến quá 0 giờ mà còn lưu tại bến bãi, ngoài phạm vi mặt bằng cho thuê thì phải chịu khoản phí lưu bãi theo Quy định này.

3. Đấu giá nộp phí sử dụng mặt bằng, bến bãi:

- Đối với hoạt động cho thuê mặt bằng, bến bãi, Giám đốc Ban Quản lý Cảng Phan Thiết phải tổ chức đấu giá để lựa chọn tổ chức, cá nhân có mức đóng phí sử dụng mặt bằng, bến bãi cao nhất. Riêng mặt bằng, bến bãi, cơ sở tạm thuộc khu vực chờ quy hoạch, đất trống và khu vực khác (theo quy định tại điểm 6, 7 khoản A và điểm 3, 4 khoản B Mục VI Biểu mức thu), trường hợp xét thấy việc tổ chức đấu giá không khả thi, không hiệu quả, Giám đốc

Ban Quản lý Cảng cá Phan Thiết thỏa thuận để hợp đồng sử dụng mặt bằng, bến bãi thời hạn dưới 01 năm với mức phí không thấp hơn mức quy định tại Biểu mức thu kèm theo Quy định này.

Việc tổ chức đấu giá thực hiện công khai, minh bạch và theo quy định hiện hành của Nhà nước về đấu giá tài sản Nhà nước.

Mức sàn đấu giá (giá khởi điểm) bằng mức thu phí thuê mặt bằng, bến bãi tại mục VI Biểu mức thu kèm theo Quy định này. Trường hợp giá khởi điểm không phù hợp với giá thị trường tại thời điểm tổ chức đấu giá, Giám đốc Ban Quản lý Cảng cá Phan Thiết xem xét, quyết định giá khởi điểm đấu giá cho phù hợp nhưng không thấp hơn mức thu phí thuê mặt bằng, bến bãi tại Mục VI Biểu mức thu kèm theo Quy định này hoặc đề nghị các cơ quan chức năng thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt giá khởi điểm để thực hiện.

Tổ chức thu phí sử dụng cảng cá (người bán đấu giá tài sản) được thu phí đấu giá đối với khách hàng tham gia đấu giá thuê mặt bằng, bến bãi và quản lý, sử dụng theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh về phí đấu giá trên địa bàn tỉnh Bình Thuận;

Người trúng đấu giá có trách nhiệm nộp đầy đủ, kịp thời số tiền phí thuê mặt bằng, bến bãi theo kết quả đấu giá cho Ban Quản lý Cảng cá Phan Thiết (số tiền, số kỳ nộp được quy định chi tiết trong hợp đồng thuê mặt bằng được ký kết) và thực hiện nghĩa vụ kê khai, nộp thuế đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật. Người trúng đấu giá thuê mặt bằng trông giữ xe thực hiện thu phí trông giữ xe theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 5. Quản lý, sử dụng tiền thu phí

1. Tùy theo tình hình thu phí mà hàng ngày hoặc chậm nhất trong vòng 07 ngày làm việc, tổ chức thu phải nộp toàn bộ số tiền thu được vào "Tài khoản tạm giữ tiền phí, lệ phí" mở tại Kho bạc Nhà nước. Việc quản lý số thu phí bằng tiền mặt tại tổ chức thu thực hiện theo chế độ kế toán quy định hiện hành.

2. Phân phối số thu: Tiền phí thu được để lại 100% cho tổ chức thu. Sau khi trang trải chi phí phục vụ công tác quản lý bến bãi và tổ chức thu phí, số thu còn lại (nếu có) bổ sung kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện

chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính của tổ chức thu. Trường hợp tiết kiệm được kinh phí thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm tài chính (nguồn thu phí để lại, kinh phí ngân sách Nhà nước cấp, nguồn thu hợp pháp khác theo quy định), tổ chức thu thực hiện phân phối, sử dụng theo quy định hiện hành.

3. Hàng năm, tổ chức thu lập dự toán thu, chỉ gửi cơ quan tài chính, cơ quan thuế cùng cấp, Kho bạc Nhà nước nơi tổ chức thu mở tài khoản tạm giữ tiền phí để kiểm soát chi theo quy định hiện hành và thực hiện quyết toán thu, chi theo thực tế. Sau khi quyết toán đúng chế độ, số tiền phí chưa chi trong năm được chuyển sang năm sau tiếp tục chi theo chế độ quy định.

Điều 6. Chứng từ thu phí; đăng ký kê khai, thu nộp, hạch toán kế toán và quyết toán phí; công khai chế độ thu phí

Thực hiện các quy định về chứng từ thu phí, tiền thu phí, đăng ký, kê khai, thu, nộp phí, hạch toán kế toán, quyết toán phí và công khai chế độ thu phí theo đúng quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ; Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17/9/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc phát hành, sử dụng chứng từ thu phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành khác.

Chương III

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 7. Tổ chức, cá nhân không nộp hoặc nộp không đủ số tiền phí thì ngoài việc phải trả đủ số tiền phí theo mức quy định tại Quy định này, còn bị xử phạt theo quy định của pháp luật. Việc xử lý vi phạm phải theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định.

Điều 8. Đơn vị, cá nhân thu phí vi phạm chế độ thu, nộp tiền phí, tiền phạt; chế độ kê khai, nộp phí vào ngân sách Nhà nước; chế độ kế toán và quyết toán phí thì bị xử lý theo Pháp lệnh Phí và lệ phí và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Chương IV

GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 9. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những hành vi vi phạm pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 10. Trình tự, thủ tục khiếu nại, tố cáo; thẩm quyền, trách nhiệm, thời hạn giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Chương V

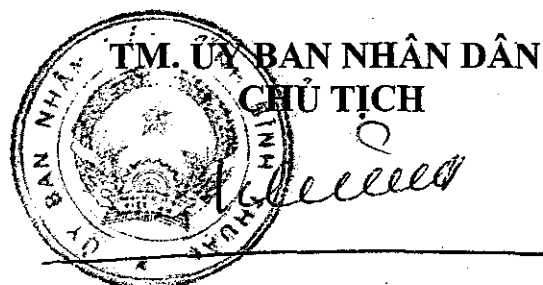
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11.

1. Tàu thuyền tránh thiên tai, bão lụt; tàu thuyền của các đơn vị biên phòng, quân đội, kiểm ngư, công an, thanh tra chuyên ngành thủy sản đang làm nhiệm vụ; tàu thuyền nước ngoài trước khi cập cảng phải đăng ký với Ban Quản lý Cảng cá Phan Thiết để báo cáo với cơ quan có thẩm quyền, sắp xếp nơi neo đậu.

2. Tàu thuyền đánh bắt hải sản nhưng hoạt động vận chuyển hàng hóa, hành khách thì ngoài việc bị xử lý vi phạm theo quyết định của cấp có thẩm quyền, còn phải truy thu khoản các khoản phí như tàu thuyền vận tải hàng hóa, hành khách.

Điều 12. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh những vướng mắc cần điều chỉnh, tổ chức thu kịp thời phản ánh với cơ quan chức năng để xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Khi chưa có quy định sửa đổi, bổ sung của Ủy ban nhân dân tỉnh thì vẫn thực hiện theo quy định hiện hành./.



Lê Tiến Phương



BIỂU MỨC THU

Các loại phí áp dụng tại các cảng, bến cá do
Ban Quản lý Cảng cá Phan Thiết quản lý
(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND
ngày 10/02/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
I	Tàu thuyền đánh cá cập cảng			
1	Công suất từ 6 đến 12 CV	1 lần vào, ra cảng, thời gian không quá 1 ngày đêm (đến trước 0 giờ)	5.000	
2	Công suất từ 13 đến 30 CV		10.000	
3	Công suất từ 31 đến 90 CV		20.000	
4	Công suất từ 91 đến 200 CV		30.000	
5	Công suất trên 200 CV		50.000	
II	Tàu thuyền vận tải hàng hóa, hành khách cập cảng (bao gồm tàu dịch vụ thu mua thủy sản, tàu chuyên dùng khác)			
1	Trọng tải dưới 5 tấn	1 lần vào, ra cảng, thời gian không quá 1 ngày đêm (đến trước 0 giờ)	10.000	
2	Trọng tải từ 5 tấn đến 10 tấn		20.000	
3	Trọng tải trên 10 tấn đến 30 tấn		30.000	
4	Trọng tải trên 30 tấn đến 50 tấn		40.000	
5	Trọng tải trên 50 tấn đến 100 tấn		50.000	
6	Trọng tải trên 100 tấn		80.000	
III	Phương tiện vận tải vào cảng			
1	Xuồng chèo	1 lần vào, ra cảng, thời gian không quá 1 ngày đêm (đến trước 0 giờ)	2.000	
2	Xuồng máy dưới 10 CV		4.000	
3	Xe máy, xích lô, ba gác chở khách, hàng hóa		1.000	
4	Phương tiện có trọng tải dưới 1 tấn (bao gồm xe khách từ 16 chỗ ngồi trở xuống)		5.000	
5	Phương tiện có trọng tải từ 1 đến 2,5 tấn (bao gồm xe khách trên 16 chỗ ngồi)		10.000	
6	Phương tiện có trọng tải trên 2,5 đến 5 tấn		15.000	
7	Phương tiện có trọng tải trên 5 đến 10 tấn		20.000	
8	Phương tiện có trọng tải trên 10 tấn		25.000	
IV	Hàng hóa qua cảng			
1	Hàng thủy sản, động vật sống	1 tấn/1 lần qua cảng	10.000	
2	Hàng hóa vận chuyển bằng container	1 container/1 lần qua cảng	35.000	
3	Hàng hóa khác (bao gồm phế phẩm làm thức ăn gia súc)	1 tấn/1 lần qua cảng	4.000	

V Phí lưu bãi (quá thời hạn quy định chưa ra khỏi cảng)				
1	Tàu thuyền các loại	1 ngày đêm, tính từ 0 giờ trở đi	50% mức thu tương ứng tại Mục I, Mục II	
2	Phương tiện vận tải đường bộ (trừ xe máy, xích lô, ba gác)	1 ngày đêm, tính từ 0 giờ trở đi	50% mức thu tương ứng tại Mục III	
3	Hàng hoá bốc dỡ khỏi phương tiện chuyên chở, lưu bãi tại cảng ngoài phạm vi mặt bằng, bến bãi cho thuê	1 ngày đêm, tính từ 0 giờ trở đi	50% mức thu tương ứng tại Mục IV	
4	Phương tiện vận tải đường bộ hoạt động thường xuyên trong phạm vi khu vực cảng	Hợp đồng thu phí theo tháng. Mức phí tối thiểu bằng 15 lần mức thu tương ứng tại Mục III		
VI Phí mặt bằng, bến bãi				
A Tại cảng cá Phan Thiết				
1	Bến bãi			
	Bến Cồn Chà, bến 40 CV	30.000 đồng/m ² /tháng 2.000 đồng/ m ² /ngày đêm		
	Bến 400 CV	15.000 đồng/ m ² /tháng 1.000 đồng/ m ² /ngày đêm		
2	Nhà tiếp nhận hải sản có mái che (bến 400CV)	60.000 đồng/ m ² /tháng 3.000 đồng/ m ² /ngày đêm		
3	Nhà lồng sửa chữa ngư lưới cụ	1.000 đồng/ m ² /ngày đêm		
4	Nhà lồng Cồn Chà (cũ và mới)			
	Lô mặt tiền	1 m ² /tháng	60.000	Tính từ mặt tiền (Quay ra sông Cà Ty vào 5m)
	Lô còn lại	1 m ² /tháng	30.000	
5	Các kios			
	Kios đầu hồi	1 m ² /tháng	25.000	
	Kios còn lại	1 m ² /tháng	20.000	
6	Khu vực chờ quy hoạch, đất trống			
	Nhà, đất trống mặt đường	1 m ² /tháng	11.000	
	Sân bãi, đất trống còn lại	1 m ² /tháng	6.000	
7	Các khu vực khác (lề đường, vỉa hè)	1 m ² /tháng	20.000	
8	Nhà vệ sinh công cộng			
	Tại Bến Cồn Chà	Nhà/tháng	1.500.000	
	Tại Bến 40 CV	Nhà/tháng	500.000	
	Tại Bến 400 CV	Nhà/tháng	750.000	
9	Điểm trông giữ xe			
	Tại Bến Cồn Chà	1 m ² /tháng	25.000	
	Tại Bến 40 CV	1 m ² /tháng	20.000	
	Tại Bến 400 CV	1 m ² /tháng	17.000	
	Điểm trông giữ xe phục vụ lao động tại các doanh nghiệp	Điểm giữ xe/tháng	2.500.000	

B	Tại bến cá Phú Hải			
1	Bến bãi	25.000 đồng/ m ² /tháng 2.000 đồng/ m ² /ngày đêm		
2	Nhà tiếp nhận phân loại	40.000 đồng/ m ² /tháng 2.000 đồng/ m ² /ngày đêm		
3	Sân bãi, đất trống	11.000 đồng/ m ² /tháng 2.000 đồng/ m ² /ngày đêm		
4	Lề đường, vỉa hè	20.000 đồng/ m ² /tháng 2.000 đồng/ m ² /ngày đêm		
5	Nhà vệ sinh công cộng	Nhà/tháng	200.000	
6	Điểm trông giữ xe	1 m ² /tháng	10.000	
7	Bãi sửa chữa ngư lưới cụ	1.000 đồng/ m ² /ngày đêm		

Ghi chú: Mức phí sử dụng mặt bằng, bến bãi theo Biểu thu này là mức sàn (giá khởi điểm) tổ chức đấu giá. Trường hợp tổ chức đấu giá nhưng chỉ có 1 người đăng ký thuê, Ban Quản lý Cảng cá Phan Thiết thỏa thuận để hợp đồng với mức phí không thấp hơn mức quy định tại Biểu thu này.